

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 116/2006/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái thời kỳ 2006 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái tại tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2006 và công văn số 2470/BKH-TĐ&GSĐT ngày 11 tháng 4 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái thời kỳ 2006 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái thời kỳ 2006 - 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển:

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Yên Bái thời kỳ 2006 - 2020 phải dựa trên những quan điểm sau:

- Đặt trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội Vùng Đông Bắc và Vùng miền núi phía Bắc.
- Bảo đảm mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, tăng trưởng kinh tế phải gắn với mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phát triển các lĩnh vực xã hội. Phát triển sản xuất phải gắn với thị trường tiêu thụ, tạo ra được các khâu đột phá để đưa nền kinh tế phát triển nhanh hơn, từng bước khắc phục nguy cơ tụt hậu so với cả nước.

- Được xem xét và tính toán trong bối cảnh đất nước đang chủ động và khẩn trương hội nhập kinh tế quốc tế.
- Gắn với bảo vệ môi trường sinh thái để đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài.
- Tận dụng tiềm năng, phát huy thế mạnh, lợi thế của Tỉnh...
- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

2. Mục tiêu phát triển chủ yếu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, tạo sự chuyển biến về chất lượng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Phấn đấu đến năm 2020 Yên Bái cơ bản trở thành một Tỉnh công nghiệp và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng miền núi phía Bắc. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với cơ cấu: nông, lâm nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ. Từng bước nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực. Khai thác có hiệu quả quan hệ kinh tế đối ngoại. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng thuận lợi, đảm bảo yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm cho người lao động. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2006 - 2010 đạt 12%/năm; thời kỳ 2011 - 2015 đạt 12,5%/năm; thời kỳ 2016 - 2020 đạt 13%/năm.
- Cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp, thủy sản - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ vào năm 2010 là: 27% - 38% - 35%; vào năm 2015 là: 20% - 44% - 36%; vào năm 2020 là: 17% - 46% - 37%.
- Thu nhập bình quân đầu người, năm 2010 là 9,2 triệu đồng; năm 2015 là 17,5 triệu đồng; năm 2020 là 34 triệu đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 25 triệu USD, năm 2015 tăng lên 35 triệu USD và năm 2020 tăng lên 50 triệu USD.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đến năm 2010 còn 1,186%, đến năm 2015 giảm còn 1,086% và đến năm 2020 giảm còn 1%.
- Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 4%, đến năm 2010 còn 15%.
- Đến năm 2007 hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông.
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2010 xuống còn 22%, năm 2015 còn 19% và năm 2020 còn 16%.

3. Phát triển ngành và lĩnh vực:

a) Nông, lâm nghiệp:

- Phát triển nền nông, lâm nghiệp toàn diện, tiếp tục hình thành các vùng tập trung chuyên canh cây trồng, đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- Xây dựng và nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp và nông thôn, từng bước hình thành nông thôn mới hiện đại, văn minh.
- Chuyển 2/3 diện tích ruộng 1 vụ lên 2 vụ, 20% diện tích 2 vụ lên 3 vụ.
- Xây dựng mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp có giá trị đạt từ 35 - 40 triệu đồng/ha thời kỳ 2006 - 2010 và 50 triệu đồng/ha thời kỳ 2011 - 2015. Phần đầu bảo đảm an ninh lương thực, ổn định mức lương thực bình quân đầu người 300 kg/người/năm từ năm 2020 trở đi.
- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trở thành khâu đột phá trong phát triển nông nghiệp để tăng nhanh tỷ trọng ngành chăn nuôi.
- Phát huy lợi thế về phát triển lâm nghiệp, tiếp tục trồng rừng, nâng độ che phủ của rừng lên 58% năm 2010 và giữ ổn định trên 62% từ năm 2015.
- Tận dụng diện tích mặt nước để phát triển nuôi trồng thủy sản, phần đầu sản lượng thủy sản đạt 7.500 tấn năm 2010 và trên 10.000 tấn năm 2015.

b) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Tiếp tục tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế về nguồn nguyên liệu như: khai thác và chế biến khoáng sản (sản xuất gang thép, chế biến đá vôi trắng), xi

măng, sản xuất điện, vật liệu xây dựng, chế biến nông, lâm sản..

- Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu như: chè, giấy để, gỗ gia dụng, sứ điện, sứ dân dụng, đá hạt, đá bột.

- Phát triển một số ngành công nghiệp mới: sản xuất sơn công nghiệp, ván sợi ép, giấy kraft, chế biến hoa quả.

- Phát triển công nghiệp chế biến và tiểu thủ công nghiệp nông thôn, các làng nghề truyền thống và các ngành nghề mới: chế biến nông, lâm sản, cơ khí nhỏ, dệt len, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

- Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2010 đạt 2.900 tỷ đồng, năm 2015 đạt 6.500 tỷ đồng và năm 2020 đạt 14.000 tỷ đồng. Tỷ trọng công nghiệp chế biến đạt 76% vào năm 2010, tăng lên 77% vào năm 2015 và tăng lên 78% vào năm 2020.

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp: Khu công nghiệp phía Nam và các cụm công nghiệp: Văn Chấn; Văn Yên; Lục Yên; cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Đầm Hồng; các cụm công nghiệp, làng nghề tại các huyện, thị xã Nghĩa Lộ, thành phố Yên Bái và ở các xã, đáp ứng mặt bằng sản xuất cho các doanh nghiệp, các hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

c) Dịch vụ:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội năm 2010 đạt khoảng 2.700 tỷ đồng, năm 2015 đạt khoảng 5.300 tỷ đồng và năm 2020 đạt khoảng 11.000 tỷ đồng.

- Đến năm 2015 phát triển Hồ Thác Bà thành khu du lịch sinh thái chuyên đề trong tuyến du lịch quốc gia Hà Nội - Hải Phòng - Lào Cai - Yên Bái. Dự kiến năm 2010 đón 350.000 lượt khách, năm 2015 đón 500.000 lượt khách và năm 2020 đón 800.000 lượt khách du lịch đến Yên Bái.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2010 đạt trên 600 tỷ đồng, năm 2015 là 1.500 tỷ đồng, năm 2020 là 3.500 tỷ đồng.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính viễn thông, đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin. Đến năm 2010 có 70% doanh nghiệp quản lý và điều hành bằng công

nghệ thông tin, tăng tỷ lệ dân số sử dụng Internet, cáp quang hoá tất cả các huyện và khu dân cư tập trung. Năm 2010 mật độ điện thoại bình quân đạt 10 máy/100 dân; 100% Ủy ban nhân dân xã và Đảng uỷ xã có máy điện thoại; 100% số xã có báo đọc trong ngày.

d) Quản lý và đổi mới doanh nghiệp:

Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Đến năm 2010 các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh sẽ hoàn thành việc củng cố sắp xếp lại tổ chức sản xuất theo hướng chuyển đổi sở hữu, cổ phần hoá khi có đủ điều kiện, trừ một số doanh nghiệp quan trọng nhà nước cần nắm giữ. Phân định rõ quyền và trách nhiệm trong việc thực hiện vai trò chủ sở hữu, xoá bỏ bao cấp của Nhà nước, phát huy quyền tự chủ và chịu trách nhiệm của doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Phát triển mới các loại hình doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

đ) Phát triển các lĩnh vực xã hội:

- Đến năm 2010 tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm còn 1,186%, đến năm 2015 giảm còn 1,086% và đến năm 2020 giảm còn 1%.
- Mỗi năm giải quyết việc làm cho khoảng 16.000 - 17.000 lao động và đào tạo nghề cho khoảng 7.000 lao động. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2010 lên 30%, năm 2015 lên 35% và năm 2020 lên 40%.
- Dự kiến đến năm 2010 có 7 bác sĩ/vạn dân, năm 2015 là 7,5 bác sĩ/vạn dân và năm 2020 là 8 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ xã, phường có bác sĩ năm 2010 đạt 80%, năm 2015 tăng lên 94% và đạt 100% vào năm 2020.
- Năm 2010 có 100% xã, phường có trường mầm non, tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 97,5%, tỷ lệ huy động trẻ em đến trường tiểu học đạt 97,5%, trung học cơ sở đạt 88% và trung học phổ thông đạt 45%.
- Đến năm 2010 tỷ lệ xã, phường có làng bản văn hóa đạt 100%; tỷ lệ gia đình văn hóa năm 2010 đạt 85%, năm 2015 đạt 90% và năm 2020 đạt 95%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa năm 2010 là 94%, năm 2015 là 97% và năm 2020 là